

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thị Mỹ D**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bà D có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện ngày 27/03/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị Mỹ D trình bày:**

Vào năm 2004 Bà và ông Nguyễn Văn H thành lập gia đình với nhau, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thc, huyện C, tỉnh

Kiên Giang. Trong thời gian chung sống bà và ông Hận có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/03/2005. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện chửi bới vợ con, bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông H vẫn không thay đổi. Xét thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà D làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà và ông H có một người con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/03/2005, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà D xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D cam kết trong quá trình chung sống bà và ông H không có nợ ai và không ai nợ ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:** Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp xin ly hôn*”, bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa bà Thị Mỹ D đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004 bà Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân bà Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

Theo bà Thị Mỹ D trình bày trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn H thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau, ông H thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện chửi bới vợ con, bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông H không thay đổi. Tại phiên tòa, bà Thị Mỹ D khẳng định hiện nay bà không còn tình cảm với ông H và kiên quyết xin ly hôn. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Nguyễn Văn H không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Văn H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà D và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Thành T sinh ngày 16/03/2005, hiện nay đã thành niên nên bà D không yêu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị Mỹ D trình bày trong thời gian chung sống ông, bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc này cũng đã được thông báo cho ông Nguyễn Văn H trong Thông báo thụ lý vụ án, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác hay có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Thị Mỹ D phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007616 ngày 28/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
5. Bà Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ánh Tuyết